TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 101/2017/DS - ST
Ngày: 21-8-2017
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện

2. Bà Huỳnh Ngọc Sương

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Đại Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 283/2017/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2017/QĐST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần T; trụ sở: Phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Võ Thị Kiều O, sinh năm 1995; trú tại: Khu phố T, phường P, thị xã A, tỉnh Bình Dương, là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 14/7/2017), có mặt

Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1963; trú tại: Khu phố B, phường T, thị xã A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/6/2017, nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 19/12/2013, bà Nguyễn Ngọc T có ký giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần T – chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) vay số tiền 31.500.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng để tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,92%/tháng, với phương thức cho vay trả góp mỗi tháng, 35 tháng

đầu mỗi tháng trả 1.425.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.924.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 51.799.000 đồng, thời hạn vay tính từ ngày 01/02/2014, bị đơn không thế chấp tài sản gì. Ngân hàng Thương mại cổ phần T – chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh đã giao tiền mặt cho bà T số tiền vay nêu trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã thanh toán 30.015.000 đồng. Kể từ ngày 28/01/2016, bà T không thanh toán như đã cam kết.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền 21.784.000 đồng.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là:

- Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 19/12/2013.
- Thông tin bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc ký đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 19/12/2013, nội dung và quá trình thực hiện, thời gian ngừng thanh toán và số tiền nợ. Bà T xác định hiện nay còn nợ Ngân hàng số tiền là 21.784.000 đồng. Do hiện nay bị đơn khó khăn về kinh tế nên yêu cầu được thanh toán mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên Tòa: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu áp dụng mức lãi suất chậm thi hành án đối với bị đơn theo mức lãi suất quy định của Bộ luật dân sự. Bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo Khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định Ngân hàng thương mại được cấp tín dụng với hình thức cho vay và việc cho vay phải lập hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 17 Quyết định số 1262/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Qua xem xét tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của các đương sự xác định khi Ngân hàng Thương mại cổ phần T – chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cho bà Nguyễn Ngọc T vay vốn không lập hợp đồng tín dụng nhưng về phía bà T và Ngân hàng Thương mại cổ phần T – chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh có ký đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 19/12/2013 có chứa đựng nội dung thỏa thuận như một hợp đồng tín dụng nên xem như đã xác lập hợp đồng tín dụng. Do vậy quan hệ tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Việc Ngân hàng Thương mại cổ phần T – chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh cho bị đơn vay vốn để tiêu dùng và bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Thuận An nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền

của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An giải quyết được quy định tại Khoản 3 Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Trên cơ sở hợp đồng tín dụng đã ký kết và sự thừa nhận của bị đơn trong quá trình tố tụng tại Tòa án, Hội đồng xét xử xác định vào ngày 10/12/2013 Ngân hàng Thương mại cổ phần T – chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh đã giao cho bị đơn số tiền 31.500.000 đồng tiền mặt với hình thức cho vay.

Về lãi suất: Theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận và Điều 11 Quyết định số 1262/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng có quy định giữa tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận mức lãi suất. Ngân hàng và bị đơn đã thỏa thuận bằng văn bản mức lãi suất 2,92%/tháng đối với hợp đồng vay nêu trên và quá trình thực thực hiện hợp đồng hai bên vẫn áp dụng mức lãi suất này là phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Với mức lãi suất nêu trên, hai bên cùng thỏa thuận hình thức thanh toán số tiền vay trên là trả góp mỗi tháng với số tiền 1.425.000 đồng, thanh toán trong vòng 36 tháng cho đến khi hết nợ (35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.425.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.924.000 đồng). Như vậy tổng số tiền bị đơn phải trả cho Ngân hàng là 51.799.000 đồng. Bị đơn đã trả cho Ngân hàng số tiền 51.799.000 đồng, từ tháng 01/2016 cho đến nay bị đơn không thực hiện việc trả nợ và số tiền hiện nay bị đơn còn nợ Ngân hàng là 21.784.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ của người vay theo Điều 7 của hợp đồng. Theo Khoản 6.2 Điều 6 của hợp đồng thì Ngân hàng có quyền chấm dứt hợp đồng trước hạn với bị đơn khi bị đơn vi phạm bất kỳ quy định nào của hợp đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ nêu trên nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 21.784.000 đồng còn nợ lại là có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất chậm thi hành án: Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất chậm thi hành án đối với bị đơn theo mức lãi suất quy định của Bộ luật dân sự, xét thấy đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 471, 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự 2005; Khoản 2 Điều 91; Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T đối với bà Nguyễn Ngọc T về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

- Buộc bà Nguyễn Ngọc T trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền 21.784.000 đồng (hai mươi mốt triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm**:**

Bà Nguyễn Ngọc T phải chịu 1.089.200 đồng (một triệu không trăm tám mươi chín nghìn hai trăm đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T toàn bộ số tiền 544.600 đồng (năm trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015515 ngày 30/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND cùng cấp;
- THADS cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Huỳnh Minh Trí